**Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)**

**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC**

**(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)**

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục xây lắp liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mô tả công việc mời thầu** | **Yêu cầu kỹ thuật/Chỉ dẫn kỹ thuật chính** | **Khối lượng mời thầu** | **Đơn vị tính** |
|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| **I** | **Các hạng mục**  |  |   |   |
| *1* | *Hạng mục 1* |  |  |  |
| *2* | *Hạng mục 2* |  |  |  |
| … | *…* |  |  |  |
| **II** | **Chí phí dự phòng(\*)** |  |  |  |
|  | *Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:*  |  | *b1%* |   |

Ghi chú:

(1), (2), (4), (5) Chủ đầu tư ghi tên các hạng mục, công việc cụ thể của từng hạng mục, đơn vị tính, khối lượng để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(3) Chủ đầu tư ghi dẫn chiếu cụ thể đến nội dung yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật để thực hiện hạng mục công việc tương ứng trong Chương V E-HSMT hoặc trong hồ sơ chỉ dẫn kỹ thuật (tên Mục, số trang, số quyển…) để nhà thầu thuận tiện trong việc xem xét, nghiên cứu các yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật làm cơ sở chào giá dự thầu.

(\*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.